

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên: ; Giảng viên thỉnh giảng:

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ngoại Lồng ngực

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

2. Ngày tháng năm sinh: 22/10/1969 Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 26, Ngõ 441, Vũ Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Học viện Quân y, Số 160 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 069566104

Điện thoại di động: 0983021818

Địa chỉ E-mail: truonggiang.dr@gmail.com; truonggiang.dr@vmmu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ 1986 đến 1992: Học viên Hệ Đại học, Học viện Quân y.

Từ 1992 đến 1993: Bác sỹ Bộ môn Phẫu thuật Thực hành, Học viện Quân y.

Từ 1993 đến 2012: Bác sỹ, giảng viên, Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Bộ môn - Khoa Ngoại dã chiến, Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y.

Từ 2013 đến 2014: Chủ nhiệm Bộ môn - Khoa Phẫu thuật Lồng ngực - Tim mạch, Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y.

Từ 2014 đến 2016: Phó Giám đốc Bệnh viện Quân y 103, Chủ nhiệm Bộ môn Phẫu thuật Lồng ngực - Tim mạch, Học viện Quân y.

Từ 12/2016 đến nay: Phó Giám đốc Học viện Quân y, Giảng viên Bộ môn Phẫu thuật Lồng ngực - Tim mạch, Học viện Quân y.

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Học viện Quân y; Giảng viên Bộ môn Phẫu thuật Lồng ngực - Tim mạch, Học viện Quân y.

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Quân y, Bộ Quốc phòng.

Địa chỉ cơ quan: Số 160 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 05 tháng 8 năm 1992, thuộc ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa

Nơi cấp bằng: Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 15 tháng 7 năm 1999, thuộc ngành: Y học, chuyên ngành: Phẫu thuật đại cương

Nơi cấp bằng: Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 11 tháng 4 năm 2008, thuộc ngành: Y học, chuyên ngành: Phẫu thuật đại cương

Nơi cấp bằng: Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng Bác sỹ chuyên khoa cấp II ngày 15 tháng 4 năm 2011, thuộc ngành: Y học, chuyên ngành: Ngoại chung

Nơi cấp bằng: Học viện Quân y, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm PGS ngày 19 tháng 3 năm 2015/Được công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2013; Ngành: Y

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HƣCDGS cơ sở: Học viện Quân y

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HƣCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Nghiên cứu áp dụng những kỹ thuật mới, hiện đại trong chẩn đoán, phẫu thuật điều trị các bệnh lý lồng ngực, tim mạch.

2. Nghiên cứu về chỉ định, tuyển chọn, chăm sóc, kỹ thuật phẫu thuật và tổ chức ghép tạng, bao gồm ghép thận, ghép tim, ghép tụy thận và ghép phổi.

3. Nghiên cứu đặc điểm tổn thương, các phương pháp đánh giá độ nặng, tiên lượng, điều trị bệnh nhân đa chấn thương.

4. Nghiên cứu đặc điểm tổn thương, chăm sóc, điều trị một số loại vết thương; công tác cấp cứu, phân loại và tổ chức cứu chữa ngoại khoa trong chiến tranh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn 02 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ;
- Đã hướng dẫn 09 học viên cao học, bác sỹ nội trú và học viên bác sỹ chuyên khoa cấp II bảo vệ thành công luận văn;
- Đã hoàn thành chủ nhiệm 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Quốc phòng, 06 đề tài nghiên cứu khoa học nhánh cấp Nhà nước, 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố Hà Nội, 05 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện;
- Đã công bố 151 bài báo khoa học, trong đó có 11 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín (là tác giả chính 05 bài báo quốc tế thuộc ISI và Scopus);
- Đã chủ biên và tham gia biên soạn 15 cuốn sách sử dụng trong đào tạo đại học, sau đại học, trong đó 15 cuốn sách thuộc các nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng: Được tặng nhiều bằng khen, giấy khen về thành tích đào tạo, nghiên cứu khoa học và điều trị trong quá trình công tác (04 BK của Thủ tướng Chính phủ, 01 BK của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng). Được tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú năm 2017, được công nhận Bác sỹ Cao cấp năm 2015. Đã tham dự và 05 lần đạt giảng viên giỏi cấp Học viện Quân y vào các năm 2008, 2010, 2011, 2012, 2018 và giảng viên giỏi cấp Bộ Quốc phòng năm 2015.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân tự nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên quy định theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008 và Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định chế độ làm việc đối với giảng viên, bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Cụ thể, đã trực tiếp giảng dạy bậc đại học, sau đại học đào tạo tại Học viện Quân y. Đã và đang hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án Tiến sỹ, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, học viên Cao học, Bác sỹ chuyên khoa cấp II, Bác sỹ nội trú làm đề tài luận văn có chất lượng, đúng kế hoạch. Tham gia xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo đại học và sau đại học. Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ, nhánh cấp Nhà nước, cấp cơ sở. Có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng. Luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, trau dồi đạo đức người Thầy, thực hiện công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 18 năm (từ 2002 đến nay).

- Cụ thể 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ		ĐH	SĐH	
1.	2014 - 2015	1	1	1	202	95	297/395/272
2.	2015 - 2016	3	1		273	31	304/416/216
3.	2016 - 2017	3	1	2		112	112/324/54
3 năm học cuối							
4.	2017 - 2018	3		1		96	96/242/54
5.	2018 - 2019	1				81	81/113/54
6.	2019 - 2020	1				79	79/111/54

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp Đại học cử nhân Anh văn, số bằng B047723, cấp ngày 13 tháng 10 năm 1999.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh văn.

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ và tên NCS	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Thời gian có quyết định cấp bằng
			Chính	Phụ			
1.	Lê Việt Anh	NCS	X		2015-2018	HVQY	31/3/2020
2.	Lê Minh Phong	NCS	X		2015-2018	HVQY	31/3/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

T T	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH
Giai đoạn trước khi được công nhận chức danh PGS							
1.	Ngoại khoa dã chiến	GT	Quân đội nhân dân 2009	9		63-127; 216-233; 268-277 (90/361 trang)	2479/QĐ HVQY
2.	Phân loại tổn thương do chấn thương	CK	Quân đội nhân dân 2009	3		Tham gia biên soạn	2479/QĐ HVQY
3.	Ghép tim thực nghiệm	CK	Y học 2011	30		225-236 (11/270 trang)	2479/QĐ HVQY
Giai đoạn sau khi được công nhận chức danh PGS							
4.	Lâm sàng và xử trí vết thương, chấn thương mạch máu chi thể	CK	Quân đội nhân dân 2014	3	Đồng CB	22-35; 55-93; 105-117; 134-212; 226-258 (173/261 trang)	2479/QĐ HVQY
5.	Y học Quân sự	HD	Quân đội nhân dân 2015	20		87-106; 117-131 (33/315 trang)	2479/QĐ HVQY
6.	Kỹ thuật ghép tim	CK	Quân đội nhân dân 2015	24		13-35; 54-64; 238-243; 277-283; 362-369 (50/427 trang)	2479/QĐ HVQY
7.	Bệnh học Ngoại Lồng ngực Tim mạch (GT Đại học)	GT	Quân đội nhân dân 2016	7	CB	13-44; 167-212 (76/299 trang)	2479/QĐ HVQY
8.	Bệnh học Ngoại Lồng ngực Tim mạch (GT Sau Đại học)	GT	Quân đội nhân dân 2017	9	CB	13-27; 231-240; 385-405; 419-514 (138/587 trang)	2479/QĐ HVQY
9.	Cấp cứu thương binh tại trận địa	TK	Quân đội nhân dân 2017	2	Đồng CB	Tham gia biên soạn	2479/QĐ HVQY

10.	Ngoại khoa dã chiến	CK	Quân đội nhân dân 2019	18	Đồng CB	11-33; 71-99; 153-171; 187-235 (116/531 trang)	2479/QĐ HVQY
11.	Sổ tay cấp cứu đầu tiên	HD	Quân đội nhân dân 2019	21	Đồng CB	11-58; 71-76 (53/217 trang)	2479/QĐ HVQY
12.	Phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi điều trị khí phế thũng	CK	Quân đội nhân dân 2020	1	CB	MM	2479/QĐ HVQY
13.	Chỉ định và kỹ thuật đặt cầu nối tạm thời trong xử trí tổn thương mạch máu chi thể	CK	Quân đội nhân dân 2020	1	CB	MM	2479/QĐ HVQY
14.	Đa chấn thương	CK	Y học 2020	1	CB	MM	2479/QĐ HVQY
15.	Phẫu thuật nội soi u tuyến ức	CK	Y học 2020	6	CB	Tham gia biên soạn	2479/QĐ HVQY

* Các chữ viết tắt: CK: Sách chuyên khảo; GT: Sách giáo trình; TK: Sách tham khảo; HD: Sách hướng dẫn; MM: Viết một mình; CB: Chủ biên

- Trong đó, số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau PGS là: 07 (cuốn số 4; 6; 10; 12; 13; 14; 15).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ đã nghiệm thu:

T	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại
Giai đoạn trước khi được công nhận chức danh PGS					
1.	Nghiên cứu quy trình ghép tim từ người cho chết não	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số KC.10.32/06-10	2009-2010	04/11/2010 Đạt (NN: Khá)
2.	Xây dựng quy trình cắt bỏ tim bệnh lý, ghép tim cho lợn	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số ĐTĐL.2007 G/22	2008-2010	08/3/2011 Đạt

3.	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật ngoại khoa nối ghép trong ghép tim trên người	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số ĐTDL.2007 G/22	2008-2010	08/3/2011 Đạt
4.	Nghiên cứu sử dụng Shunt mạch máu tạm thời tự tạo trong phẫu thuật tổn thương mạch máu ngoại vi	CN	Đề tài cấp cơ sở (HVQY)	1-12/2012	01/3/2012 Xuất sắc
5.	Nghiên cứu sử dụng liệu pháp hút chân không trong chăm sóc, điều trị các loại vết thương	CN	Đề tài cấp cơ sở (HVQY)	2012-2013	01/2/2013 Xuất sắc
Giai đoạn sau khi được công nhận chức danh PGS					
6.	Nghiên cứu sự biến đổi của Interleukin 6, Interleukin 10 và mối liên quan với độ nặng tổn thương và thời điểm phẫu thuật ở bệnh nhân đa chấn thương	CN	Đề tài cấp Bộ Quốc phòng Mã số 2016.75.035	2016-2017	09/2/2018 Khá
7.	Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển điều trị đau sau phẫu thuật lồng ngực và bụng trên tại Hà Nội	CN	Đề tài cấp Thành phố Hà Nội Mã số 01C-08/07-2016-2	2016-2017	29/6/2018 Xuất sắc
8.	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật ngoại khoa ghép thùy phổi từ người cho sống hoặc ghép một phổi từ người cho chết não	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số KC.10.10/16-20	2016-2018	27/12/2018 Đạt (NN: X. sắc)
9.	Xây dựng quy trình kỹ thuật lấy, rửa, bảo quản tụy và thận lấy từ người cho chết não	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số KC.10.27/11-15	2013-2015	21/12/2015 Đạt (NN: X. sắc)

10.	Xây dựng quy trình cắt giảm thể tích phổi bằng phẫu thuật nội soi	CN	Đề tài nhánh thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước Mã số KC.10.20/11-15	2013-2015	19/4/2016 Đạt (NN: Khá)
11.	Nghiên cứu ứng dụng giảm đau bằng catheter cạnh sống điều trị bệnh nhân chấn thương ngực	CN	Đề tài cấp cơ sở (HVQY)	2-12/2014	25/12/2014 Xuất sắc
12.	Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị bệnh u trung thất	CN	Đề tài cấp cơ sở (HVQY)	2-12/2015	18/11/2015 Xuất sắc
13.	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật điều trị ung thư phổi tại Bệnh viện Quân y 103	CN	Đề tài cấp cơ sở (HVQY)	1-12/2016	27/12/2016 Xuất sắc

* Các chữ viết tắt: CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; NN: Đề tài Nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	T	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	Là TG chính	Tên tạp chí/ISSN	Loại tạp chí	Số lần TD	Tập, Số, Trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi được công nhận chức danh PGS									
1.		Đánh giá trọng lượng nhu mô giáp để lại sau mổ cắt gần hoàn toàn tuyến giáp bằng xạ hình đồ	4		Công trình nghiên cứu Y học Quân sự ISSN 1859-0748			2 59-61	2002
2.		Nghiên cứu chức năng giáp sau phẫu thuật điều trị bệnh bướu giáp đơn thuần	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			27/1 74-76	2002
3.		Nhận xét một số trường hợp đa chấn thương có tổn thương ngực điều trị tại khoa ngoại dã chiến Viện 103	3	TG chính	Y học thảm họa và bỏng ISSN 1859-3461			2003/3 103-105	2003

4.	Một số nhận xét qua 5 trường hợp vết thương mạch máu chi thể có tổn thương xương khớp và phần mềm phức tạp	5	TG chính	Y học thẩm họa và bông ISSN 1859-3461			2003/4 49-52	2003
5.	Nhận xét 61 trường hợp cắt cụt chi cấp cứu tại Khoa Ngoại dã chiến Bệnh viện 103	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			28/3 106-109	2003
6.	Nhận xét tổn thương xương khớp trong đa chấn thương qua 98 trường hợp	5	TG chính	Y học thẩm họa và bông ISSN 1859-3461			2004/2 55-58	2004
7.	Nhận xét một số trường hợp tổn thương động mạch ngoại vi kết hợp tổn thương xương khớp và phần mềm	2	TG chính	Y học thẩm họa và bông ISSN 1859-3461			2005/5 62-68	2005
8.	Nhận xét đặc điểm và ảnh hưởng của tổn thương chi thể trên bệnh nhân đa chấn thương	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			30/ĐS 179-184	2005
9.	Nhận xét qua một số trường hợp đa chấn thương có biến chứng xẹp phổi	4	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			30/5 89-93	2005
10.	Tổn thương động mạch khoeo kèm theo tổn thương xương khớp và phần mềm phức tạp được điều trị tại Bệnh viện 103	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			30/6 153-158	2005
11.	Tổn thương bụng trong đa chấn thương	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			31/4 108-114	2006
12.	Chấn thương sọ não trong đa chấn thương	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			31/5 122-128	2006
13.	Tử vong do đa chấn thương	3	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			51/6 57-59	2006

14.	Điều trị gãy xương đùi, gãy xương cẳng chân trên bệnh nhân đa chấn thương có chấn thương sọ não tại Bệnh viện 103	3	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			51/12 560 15-17	2006
15.	Đặc điểm tổn thương và chiến thuật xử trí chấn thương ngực trong đa chấn thương	4	TG chính	Ngoại khoa ISSN 0868-3182			56/6 12-17	2006
16.	Cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân chấn thương do tai nạn giao thông	5		Y học lâm sàng (BV Bạch Mai) ISSN 1859-3593			ĐS 14-18	2007
17.	Nghiên cứu vai trò của tuổi trong tiên lượng và điều trị bệnh nhân đa chấn thương	3	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			52/4 569/570 51-53	2007
18.	Chiến thuật điều trị bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			52/5 571/572 70-73	2007
19.	Nghiên cứu áp dụng bảng điểm chấn thương sửa đổi (RTS) để phân loại và tiên lượng bệnh nhân đa chấn thương	3	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			573/6 50-53	2007
20.	So sánh giá trị tiên lượng của đường máu với các bảng điểm (RTS, ISS) ở bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y học thực hành ISSN 0866-7241			52/7 574 5-8	2007
21.	Các thang điểm, bảng điểm đánh giá và tiên lượng bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			32/3 155-163	2007
22.	Áp dụng bảng điểm độ nặng tổn thương và bảng điểm độ nặng tổn thương mới trong đánh giá và tiên lượng bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			32/4 122-127	2007

23.	Bước đầu nghiên cứu áp dụng shunt tạm thời trong phẫu thuật tổn thương mạch máu kết hợp tổn thương chi thể	3	TG chính	Y học thực hành ISSN 1859-1663			53/12 591/592 84-87	2008
24.	Nghiên cứu mối liên quan giữa kiềm dư và độ nặng tổn thương ở bệnh nhân đa chấn thương	3	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			33/1 138-144	2008
25.	Đánh giá tác dụng của gạc Eupolin trong điều trị vết thương phần mềm	4		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			33/4 124-128	2008
26.	Bệnh viện 103: Một số kết quả ghép thận từ người cho sống	5		Hoạt động khoa học			50/590 44-45	2008
27.	So sánh giá trị của các bảng điểm trong tiên lượng nguy cơ thở máy ở bệnh nhân đa chấn thương	2	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			4/2 118-124	2009
28.	So sánh giá trị của các bảng điểm trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân đa chấn thương	2	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			34/6 114-120	2009
29.	Áp dụng bảng điểm chấn thương sửa đổi nhằm nâng cao năng lực của điều dưỡng viên trong đánh giá và phân loại bệnh nhân đa chấn thương	1	TG	Y học quân sự ISSN 1859-1655			34/CĐ 53-57	2009
30.	Nghiên cứu sử dụng Shunt tạm thời trong điều trị tổn thương mạch máu chi thể	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			34/ĐB 185-191	2009
31.	Kết quả điều trị ngoại khoa tổn thương động mạch ngoại vi	1	TG	Y học thực hành ISSN 1859-1663			54/ĐB 690/691 12-17	2009
32.	Đánh giá tác dụng điều trị vết thương phần mềm nhiễm khuẩn của cao lỏng BD bằng một số chỉ tiêu lâm sàng	4		Y học thực hành ISSN 1859-1663			55/5 717 22-24	2010

33.	Một số kỹ thuật trong phẫu thuật ghép tim thực nghiệm trên lợn	6	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			35/7 63-67	2010
34.	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phẫu thuật lấy tim ghép thực nghiệm	7		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			35/7 68-75	2010
35.	Một số nhận xét về kỹ thuật mổ nhân trường hợp ghép tim đầu tiên tại Việt nam	8	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			35/8 81-87	2010
36.	Nhận xét về phẫu thuật lấy tim người cho tim chết não trong ca mổ ghép tim trên người đầu tiên tại Việt Nam	9		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			35/8 88-94	2010
37.	Chỉ định và lựa chọn đoạn ghép trong phẫu thuật ghép mạch điều trị tổn thương mạch máu ngoại vi	1	TG	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			376 2/12 ĐB 167-171	2010
38.	Đặc điểm lâm sàng bỏng do điện tại Viện Bỏng Quốc gia	4		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			35/9 214-217	2010
39.	Nghiên cứu tác dụng ức chế vi khuẩn của mỡ Eupolin trên vết thương bỏng do điện	4		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			376 2/12 ĐB 162-167	2010
40.	Tuần hoàn ngoài cơ thể trong ghép tim: một số nhận xét nhân trường hợp đầu tiên tại Việt Nam	8		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			36/1 116-122	2011
41.	Gây mê hồi sức trong ca mổ ghép tim trên người lần đầu tiên tại Việt Nam	7		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			36/2 127-134	2011
42.	Đặc điểm lâm sàng và điều trị vết thương thấu bụng	2	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			36/ĐB 111-115	2011
43.	Nghiên cứu tác dụng sát khuẩn của cao lỏng lá bạch đàn (BD) trên vết thương phần mềm nhiễm khuẩn	4		Y dược học cổ truyền Quân sự ISSN 1859-3755			1/1 45-49	2011

44.	Đặc điểm hình thái siêu cấu trúc của vết thương phần mềm điều trị bằng cao lỏng lá bạch đàn	5		Y dược học cổ truyền Quân sự ISSN 1859-3755			1/2 40-46	2011
45.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ bệnh nhân tai nạn thương tích khi vào viện liên quan đến độ nặng chấn thương	6		Y học thực hành ISSN 1859-1663			56/10 786 145-148	2011
46.	Đánh giá tác dụng hình thành mô hạt trên vết thương phần mềm nhiễm khuẩn của cao lỏng bạch đàn	4		Y học thực hành ISSN 1859-1663			56/12 798 162-164	2011
47.	Đánh giá kết quả chăm sóc, điều trị vết thương bằng liệu pháp hút chân không	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/3 131-136	2012
48.	Đánh giá kết quả áp dụng liệu pháp hút chân không chăm sóc tổn thương phần mềm trong gãy xương hở	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/4 120-125	2012
49.	Kỹ thuật khâu nối mạch máu trong ghép thận qua 98 trường hợp tại Bệnh viện 103	4	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/5 ĐB 116-121	2012
50.	Nhận xét một số bất thường về mạch máu thận ghép qua 98 trường hợp tại Bệnh viện 103	4	TG chính	Y học quân sự ISSN 1859-1655			37/281 ĐS 13-17	2012
51.	Nhận xét một số đặc điểm mạch máu thận ghép từ người cho sống và người nhận	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/6 142-146	2012
52.	Một số nhận xét về đặc điểm kỹ thuật ghép tim theo mô hình ghép tim đúng chỗ kiểu hai tâm nhĩ nhân trường hợp ghép tim trên người đầu tiên ở Việt Nam	6	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/5 ĐB 213-218	2012

53.	Nghiên cứu sự biến đổi một số chức năng cơ quan và thời điểm lấy tạng ghép ở bệnh nhân chết não	5		Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			37/5 ĐB 75-81	2012
54.	Một số khái niệm và chiến thuật điều trị gãy xương lớn trong đa chấn thương	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			38/1 156-161	2013
55.	Đặc điểm lâm sàng và áp lực khoang trong gãy xương cẳng chân có biến chứng chèn ép khoang	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			38/2 136-140	2013
56.	Một số đặc điểm dịch tễ và tổn thương gãy xương cẳng chân có biến chứng chèn ép khoang	1	TG	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			38/3 54-58	2013
57.	Đặc điểm dịch tễ và tổn thương vết thương bàn tay tại Bệnh viện 103	1	TG	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			404/2/3 50-54	2013
58.	Một số vấn đề cơ bản trong phân loại, cấp cứu tại chỗ và vận chuyển nạn nhân hàng loạt	2	TG chính	Y dược học Quân sự ISSN 1859-0748			38/5 194-201	2013
59.	Đánh giá hiệu quả nuôi dưỡng bằng đường tiêu hóa kết hợp đường tĩnh mạch đối với bệnh nhân thông khí nhân tạo dài ngày	3		Y học thực hành ISSN 1859-1663			58/5 869 29-32	2013
60.	Đánh giá kết quả ứng dụng liệu pháp hút áp lực âm bằng máy hút thông thường điều trị vết thương	1	TG	Y học tham họa và bỏng ISSN 1859-3461			2013/2 44-49	2013
61.	Một số vấn đề trong kế hoạch cấp cứu nạn nhân hàng loạt tại bệnh viện	2	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			38/6 146-153	2013

T T	Tên bài báo khoa học	Số tác giả	TG chính	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Loại tạp chí QT uy tín	Số lần TD	Tập, Số, Trang	Năm công bố
Giai đoạn sau khi được công nhận chức danh PGS								
62.	Hemoptysis from complex pulmonary aspergilloma treated by cavernostomy and thoracoplasty	9	TG chính	BMC Surgery	ISI Q2 IF: 1,73		187/19 1-8	2019
63.	Preemptive analgesia after lumbar spine surgery by pregabalin and celecoxib: a prospective study	8	TG chính	Drug Design, Development and Therapy	ISI Q1 IF: 3,15		2019/13 2145-52	2019
64.	Patient-controlled paravertebral analgesia for video-assisted thoracoscopic surgery lobectomy	9	TG chính	Local and Regional Anesthesia	Scopus Q2 IF: 1,17		2018/11 115-121	2018
65.	Nonanemic extramedullary hematopoiesis in the posterior mediastinum	5	TG chính	Asian Cardiovascular & Thoracic Annals	Scopus Q3 IF: 0,61		27/2 135-137	2018
66.	Video-assisted thoracoscopic thymectomy for thymoma: a single-center experience	5	TG chính	Asian Cardiovascular & Thoracic Annals	Scopus Q3 IF: 0,61		26/3 207-211	2017
67.	Successful intralipid-emulsion treatment of local anesthetic systemic toxicity following ultrasoundguided brachial plexus block: case report	10		International Medical Case Reports Journal	Scopus Q3 IF: 0,62		2019/12 193-197	2019
68.	Regulation of dendritic cell function by A20 through high glucose-induced Akt2 signaling	6		Journal of Receptors and Signal Transduction	Scopus Q2 IF: 1,65		39/5-6 434-441	2019

69.	Association of FCN2 polymorphisms and Ficolin-2 levels with dengue fever in Vietnamese patients	13		International Journal of Infectious Diseases	ISI Q1 IF: 3,42		95 253-261	2020
70.	Upregulation of Enzymes involved in ISGylation and Ubiquitination in patients with hepatocellular carcinoma	17		International Journal of Medical Sciences	ISI Q2 IF: 2,37		17/3 347-353	2020
71.	Thoracic Paravertebral Analgesia for Treatment Blunt Chest Trauma with Multiple Rib Fractures	5	TG chính	Journal of Clinical Trials	Open Access		7/4 1-4	2017
72.	Complete spinal block after spinal anesthesia with low-dose bupivacaine in the elderly	5		Clinical Case Reports and Reviews	Open Access		1/10 211-213	2015
73.	Nghiên cứu đặc điểm tổn thương và căn nguyên vi khuẩn áp xe vú tại Bệnh viện 103	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			39/9 180-184	2014
74.	Nhận xét về phẫu thuật lấy tụy thận từ người cho chết não nhân trường hợp ghép đồng thời tụy thận đầu tiên tại Việt Nam	6	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/1 104-110	2015
75.	Nghiên cứu giá trị biến thiên thể tích nhất bóp và thể tích cuối tâm trương toàn bộ đo bằng PiCCO trong đánh giá đáp ứng bù dịch ở bệnh nhân sau mổ tim mở	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/3 197-203	2015
76.	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật giảm đau bằng phong bế khoang cạnh sống điều trị chấn thương ngực kín có gãy nhiều xương sườn	4	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/2 140-145	2015

77.	Nghiên cứu gây tê tủy sống bằng bupivacain 0,5% kết hợp midazolam trong phẫu thuật chi dưới	3		Y học quân sự ISSN 1859-1655			305 30-34	2015
78.	Đánh giá sự liên quan giữa một số đặc điểm về hình ảnh trên cắt lớp vi tính lồng ngực và mô bệnh học của u biểu mô tuyến ức	4	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			10 3-9	2015
79.	Kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị tràn khí màng phổi tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	4		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			431/1/6 14-18	2015
80.	Kết quả điều trị tràn khí màng phổi tự phát nguyên phát bằng phẫu thuật nội soi lồng ngực làm xức màng phổi	4		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			431/1/6 50-54	2015
81.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, hình ảnh chụp cắt lớp vi tính và tổn thương mô bệnh học Sarcoma nhày nguyên phát ở phổi nhân một trường hợp	5	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			11 3-6	2015
82.	Evaluate the relationship between computed tomography minifestation and histopathological classification of thymic epithelial tumors	4	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/7 82-89	2015
83.	Nghiên cứu giá trị của điểm vận động đơn giản và điểm vận động Glasgow trong tiên lượng bệnh nhân chấn thương sọ não	4	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/8 167-173	2015
84.	Kết hợp morphin, ketamin trong giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển đường tĩnh mạch sau mổ vùng bụng trên ở người cao tuổi	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/8 151-160	2015

85.	Đánh giá kết quả ban đầu phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi điều trị khí phế thũng trong bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính tại Bệnh viện Quân y 103	3	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/ĐB 207-214	2015
86.	Một số nhận xét về chỉ định và kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị bướu giáp đơn thuần thể nhân	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/ĐB 215-219	2015
87.	Nghiên cứu đặc điểm mạch máu của thận ghép, kỹ thuật và kết quả khâu nối mạch máu trong ghép thận tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y học quân sự ISSN 1859-1655			331 7-10	2015
88.	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị tràn khí màng phổi tự phát nguyên phát tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y học quân sự ISSN 1859-1655			331 40-43	2015
89.	Đánh giá hiệu quả liệu pháp tập thở bằng dụng cụ ở bệnh nhân phẫu thuật lồng ngực	3	TG chính	Điều dưỡng Việt Nam ISSN 2354-0737			11 22-26	2015
90.	Đánh giá sự thay đổi kích thước nhĩ trái trên bệnh nhân mổ tim có kết hợp phẫu thuật Maze điều trị rung nhĩ	3		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			436/2/11 37-40	2015
91.	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật phong bế khoang cạnh sống trong giảm đau sau mổ lồng ngực và chấn thương ngực kín có gãy nhiều xương sườn	3	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			10/ĐB 64-69	2015
92.	Đánh giá kết quả điều trị áp xe vú bằng phương pháp hút chân không tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			40/9 173-178	2015

93.	Vai trò của sinh thiết tức thì trong phẫu thuật các u vú tại Bệnh viện 103	5		Y học thực hành ISSN 1859-1663			60/9 977 125-126	2015
94.	Vai trò của sinh thiết tức thì trong phẫu thuật các u tuyến giáp tại Bệnh viện 103	5		Y học thực hành ISSN 1859-1663			60/5 965 100-101	2015
95.	Biến đổi lâm sàng và chức năng hô hấp ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính sau phẫu thuật giảm thể tích phổi	4		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			41/1 127-132	2016
96.	Nhận xét một số đặc điểm kỹ thuật trong phẫu thuật nội soi điều trị tràn khí màng phổi tự phát nguyên phát tại Bệnh viện Quân y 103	3	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			12 25-30	2016
97.	Nhận xét kết quả sớm mức độ cải thiện về lâm sàng và chức năng hô hấp sau phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			446/9 CD 296-301	2016
98.	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị u trung thất tại Bệnh viện Quân y 103	3	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			11/5 104-108	2016
99.	Nhận xét đặc điểm di căn hạch trên CT Scan, PET CT đối chiếu với tổn thương mô bệnh học trong ung thư phổi không tế bào nhỏ	3	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			449/1/12 11-14	2016
100.	Nghiên cứu đặc điểm mạch máu của thận ghép, kỹ thuật và kết quả khâu nối mạch máu trong ghép thận tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			20/4 86-90	2016
101.	Liên quan giữa các tít mô bệnh học với nồng độ một số dấu ấn ung thư của ung thư phổi không tế bào nhỏ	3	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/2 31-36	2017

102.	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị viêm màng phổi giai đoạn bán cấp và mạn tính	3		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/2 81-87	2017
103.	Nhận xét mối liên quan các chất đánh dấu khối u CEA, CA15-3, CA 125 với một số đặc điểm lâm sàng và mô bệnh ung thư vú	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			42/4 147-152	2017
104.	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật nội soi cắt thùy phổi tại Bệnh viện Quân y 103	3	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/4 98-102	2017
105.	Nhận xét sự liên quan giữa nồng độ Thyroglobulin và Thyroglobulin Antibody với một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh tuyến giáp	3		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/3 102-108	2017
106.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trong chẩn đoán ung thư tuyến giáp	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			42/4 153-158	2017
107.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm màng phổi giai đoạn bán cấp và mạn tính	3		Y học quân sự ISSN 1859-1655			321 31-35	2017
108.	Results in systematic lymphadenectomy in surgical treatment of non-smallcell lung cancer	4		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/Sep 92-97	2017
109.	Kết quả sớm sau phẫu thuật thay van tim ở bệnh nhân có phân suất tổng máu thấp	4		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/6 32-38	2017
110.	Đánh giá kết quả sớm sau phẫu thuật thay van hai lá cơ học có bảo tồn bộ máy dưới van	4		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/6 79-84	2017

111.	Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị hẹp khí quản tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	4		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/6 93-99	2017
112.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cắt lớp vi tính lồng ngực ở bệnh nhân nhược cơ có chỉ định phẫu thuật	4	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/6 139-144	2017
113.	Gây tê cạnh sống ngực dưới hỗ trợ nội soi trong giảm đau sau phẫu thuật lồng ngực	5		Y học thực hành ISSN 1859-1663			62/4 1039 57-60	2017
114.	Biến đổi IL-6, IL-10 ở bệnh nhân đa chấn thương và mối liên quan với độ nặng tổn thương	4	TG chính	Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			42/9 91-97	2017
115.	Giá trị của PCT và CRP trong tiên lượng ở bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			460/2/11 1-4	2017
116.	Giá trị của IL-6 và IL-10 trong tiên lượng suy đa tạng ở bệnh nhân đa chấn thương	5	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			460/2/11 28-31	2017
117.	Sự thay đổi một số dấu ấn sinh học sau phẫu thuật ở bệnh nhân đa chấn thương	4	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			12/ĐB 345-350	2017
118.	Mối liên quan giữa nồng độ huyết tương Procalcitonin và C-Reactive Protein với độ nặng ở bệnh nhân đa chấn thương	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/1 98-104	2018
119.	Biến đổi lâm sàng, cận lâm sàng ca ghép phổi từ người cho sống đầu tiên tại Việt Nam	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/3 65-71	2018
120.	Gây mê ghép hai thùy phổi từ người cho sống: kinh nghiệm từ ca đầu tiên thành công tại Việt Nam	9		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			466/1/5 137-140	2018

121.	Thông báo lâm sàng: Gây mê cho người sống hiến thùy phổi đầu tiên tại Việt Nam	9		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/6 114-120	2018
122.	Đánh giá hiệu quả hóa giải giãn cơ bằng sugamadex sau phẫu thuật lồng ngực có nội soi hỗ trợ	6		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/7 84-90	2018
123.	Nhận xét về sử dụng thuốc chống thải ghép ở ca ghép hai phổi từ người cho sống đầu tiên tại Bệnh viện Quân y 103	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/CD 118-123	2018
124.	Hồi sức sau ghép phổi: nhân một trường hợp ghép phổi thành công tại Bệnh viện Quân y 103	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/CD 104-110	2018
125.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh, mô bệnh học u lành và các tổn thương dạng u ở phổi được điều trị bằng phẫu thuật tại Bệnh viện Quân y 103	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/8 96-101	2018
126.	Kết quả bước đầu của phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt u tuyến ức tại Bệnh viện Quân y 103	10	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			22 48-53	2018
127.	Đánh giá hiệu quả hóa giải giãn cơ bằng sugamadex sau phẫu thuật lồng ngực có nội soi hỗ trợ	6	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			22 63-69	2018
128.	Một số nhận xét về kỹ thuật và kết quả bước đầu phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt thùy phổi tại Bệnh viện Quân y 103	10	TG chính	Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			23 104-112	2018

129.	Kết quả sớm phẫu thuật cắt thùy điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Bệnh viện Quân y 103	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			43/9 69-74	2018
130.	Nhân một trường hợp tạo máu ngoài tủy ở trung thất sau không có biểu hiện thiếu máu	6		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			44/3 99-103	2019
131.	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			44/7 48-52	2019
132.	Một số đặc điểm kỹ thuật và kết quả sớm của phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị u tuyến ức có nhược cơ tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			44/7 53-59	2019
133.	Kết quả xa ung thư nhày nguyên phát ở phổi được điều trị bằng phẫu thuật: nhân một trường hợp	7		Y Dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			14/4 93-96	2019
134.	Nghiên cứu gây mê không sử dụng opioid trong phẫu thuật cắt túi mật nội soi	5		Y dược học quân sự ISSN 1859-0748			44/8 85-93	2019
135.	Một số đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và giai đoạn u tuyến ức có nhược cơ được phẫu thuật nội soi lồng ngực tại Bệnh viện Quân y 103	3		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			482/1 1-5	2019
136.	Kết quả điều trị bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính bằng phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi	4		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			483/1 22-26	2019

137.	U xơ đàn hồi thể nhú ở thất trái kết hợp bệnh lý mạch vành: nhân một trường hợp	8		Phẫu thuật Lồng ngực Tim mạch Việt Nam ISSN 0866-7551			27 10-13	2019
138.	Nhận xét một số chỉ số khí máu động mạch trên bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính trước và sau điều trị phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi	2	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/1 13-17	2020
139.	Nhận xét một số đặc điểm hình ảnh học u tuyến ức có nhược cơ được phẫu thuật nội soi lồng ngực tại Bệnh viện Quân y 103	2	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/1 46-50	2020
140.	Xây dựng kỹ thuật Multiplex PCR khuếch đại 14 chỉ thị STR ứng dụng trong phân tích di truyền trước chuyển phôi bệnh Hemophilia A	3		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/1 178-182	2020
141.	Kết quả ứng dụng phẫu thuật nội soi lồng ngực chẩn đoán nốt phổi đơn độc ngoại vi	2		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/2 1-5	2020
142.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân nốt phổi đơn độc được chẩn đoán và điều trị bằng phẫu thuật nội soi lồng ngực	2	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/2 40-45	2020
143.	Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi trên bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	2	TG chính	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			488/2 16-20	2020

144.	Kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực u tuyến ức có nhược cơ tại Bệnh viện Quân y 103	2	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/2 82-88	2020
145.	U nhầy nhĩ trái kết hợp bệnh lý mạch vành: Ca lâm sàng	8		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/2 133-136	2020
146.	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị một số bệnh lý phổi có tổn thương dạng nốt đơn độc ngoại vi	3		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/3 91-98	2020
147.	Đánh giá hiệu quả giảm đau của gậy tê đám rối thần kinh cánh tay đường trên đòn dưới hướng dẫn siêu âm cho bệnh nhân cấp cứu chấn thương chi trên	6		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/3 99-104	2020
148.	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị mũ màng phổi tại Bệnh viện Quân y 103	3	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/3 105-111	2020
149.	Biến đổi một số cytokine (IL-6 và IL-10) ở bệnh nhân đa chấn thương có biến chứng nhiễm khuẩn huyết	2	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/3 124-129	2020
150.	Đánh giá hiệu quả giảm đau của gậy tê thần kinh đùi dưới hướng dẫn siêu âm cho bệnh nhân cấp cứu bị gãy xương đùi	6		Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/3 130-136	2020
151.	Rối loạn đông máu và mối liên quan với độ nặng ở bệnh nhân đa chấn thương	2	TG chính	Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			15/4 110-117	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS là: 05 (thuộc ISI, Scopus) (bài 62 - 66).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
...				

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Đã tham gia xây dựng: Chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa Quân y ban hành kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-HVQY ngày 18/5/2016; Chương trình đào tạo đại học ngành Y đa khoa hệ quân sự ban hành kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-HVQY ngày 23/7/2019; Chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa hệ dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 3839/QĐ-HVQY ngày 31/12/2015 và Quyết định số 1009/QĐ-HVQY ngày 28/4/2016; Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2835/QĐ-HVQY ngày 30/8/2017; Chương trình tiên tiến đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành Phẫu thuật Lồng ngực ban hành kèm theo Quyết định số 3112/QĐ-HVQY ngày 14/9/2018; Chương trình đào tạo Thạc sĩ mở mới năm 2018 ban hành kèm theo các Quyết định số 4579-4585/QĐ-HVQY ngày 19/12/2017; Chương trình đào tạo Tiến sĩ mở mới năm 2018, 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 4575, 4576, 4578/QĐ-HVQY ngày 19/12/2017 và Quyết định số 97/QĐ-HVQY ngày 08/01/2019.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Trường Giang